

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẢO LÂM  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2024/DS-ST**  
Ngày : 16.01.2024  
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự  
vay tài sản*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Bích Thủy**

***Các Hội thẩm nhân dân:*** 1. Ông **Nguyễn Trọng Hoàng**  
2. Bà **Hồ Thị Hồng Liên**

***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Anh Vương**- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Hà**- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 131/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2023/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Bà **Lê Thị Anh S**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn 3, xã Lộc A, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

***2. Bị đơn:*** Bà **Phạm Thị K**, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn 3, xã Lộc A, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

***Bà S có mặt, bà K vắng mặt tại phiên tòa.***

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/6/2023 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà S trình bày:

Bà S không có mối quan hệ họ hàng, anh em với bà K, quen biết do ở cùng thôn nên năm 2022 bà S có cho bà K vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau: Ngày 21/7/2022 cho vay số tiền 40.000.000 đồng, ngày 26/7/2022 cho vay 3.000.000 đồng, ngày 13/8/2022 cho vay 6.000.000 đồng, ngày 16/8/2022 cho vay 10.000.000 đồng, ngày 18/8/2022 cho vay 11.000.000 đồng, ngày 31/8/2022 cho vay 10.000.000 đồng, ngày 26/10/2022 cho vay 20.000.000 đồng, ngày 19/3/2023 cho vay 20.000.000 đồng. Tổng cộng các lần vay thì bà S cho bà K vay là 120.000.000 đồng, hai bên không ghi giấy vay nợ, cần tiền thì bà K nhắn tin cho bà S để vay, sau đó bà S chuyển

khoản hoặc đưa tiền mặt cho bà K vay. Đến ngày 19/3/2023 bà K viết giấy vay tiền để chốt lại toàn bộ số nợ vay trên, bà K nợ bà S số tiền 120.000.000 đồng, hạn 02 tháng từ ngày 19/3/2023 đến 19/5/2023 sẽ trả, lãi thỏa thuận 2%/tháng. Trước đây bà K vay có trả lãi, còn từ ngày chốt nợ đến nay thì không trả lãi, gốc không trả như thỏa thuận mặc dù bà S đòi nợ nhiều lần. Nay bà K bỏ đi khỏi địa phương nhưng không trả nợ cho bà S. Bà S khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc bà K phải trả cho bà S số tiền gốc đã vay tổng cộng là 120.000.000 đồng, lãi phát sinh từ ngày 19/5/2023 đến 19/11/2023 tạm tính theo lãi suất 1,66%/tháng x 06 tháng x 120.000.000 đồng = 11.952.000 đồng. Về án phí yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Phạm Thị K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để đến làm việc về nội dung khởi kiện của bà S nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 20/11/2023 nhưng không thành, bà S có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải vụ án nữa, đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

#### ***Tại phiên tòa:***

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về yêu cầu bị đơn trả tiền gốc 120.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Về lãi suất cho vay nguyên đơn trình bày bổ sung trước đây cho bị đơn vay 2.000 đồng/ngày/triệu tuy nhiên bị đơn trả lãi không đủ, vay nhiều lần với nhiều thời điểm khác nhau nên không nhớ bị đơn trả được bao nhiêu tiền lãi. Từ ngày chốt nợ 19/3/2023 thì hai bên thỏa thuận miệng 2%/tháng tuy nhiên bị đơn chưa trả lãi đến nay. Bị đơn bà K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 120.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **1. Về thủ tục tố tụng:**

Bị đơn bà Phạm Thị K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

#### **2. Về nội dung vụ án:**

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với bị đơn, căn cứ vào toàn bộ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng:

Bà Lê Thị Anh S thừa nhận không có mối quan hệ họ hàng, anh em với bà Phạm Thị K, có quen biết nhau là có thật.

Tại “*Giấy vay tiền*” đề ngày 19/3/2023 do bà S nộp tại Tòa án thể hiện: Bà Phạm Thị K có vay của bà Lê Thị Anh S số tiền 120.000.000 đồng, đã nhận đủ tiền vay, lãi suất thỏa thuận, thời hạn vay từ ngày 19/3/2023 đến 19/5/2023, mục đích vay là góp xe. Bên cho vay bà S và bên vay bà K cùng ký, ghi họ tên. Bà S trình bày toàn bộ nội dung vay viết bằng bút bi mực màu xanh là do bà K tự viết, ký và ghi họ tên “Phạm Thị K”. Số nợ này bà K tự viết giấy để chốt lại các khoản nợ đã vay trước đó nhưng chưa trả và hai bên không làm giấy tờ vay.

Tuy nhiên quá hạn trả nợ, bà K không trả nợ cho bà S. Tòa án có xác minh, triệu tập bà K đến làm việc nhưng bà K đều vắng mặt không có lý do nên không có lời khai nào.

Xét khoản nợ vay trên bà K nợ bà S là có thật, từ khi thụ lý vụ án đến nay bà K không đến làm việc, không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện là đã trả nợ cho bà S. Vì vậy bà S khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc bà K phải trả số tiền gốc đã vay 120.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Về lãi phát sinh: Theo giấy vay tiền có ghi lãi theo lãi suất thỏa thuận của hai bên. Bà S trình bày lãi suất 2%/tháng, bà K chưa trả lãi. Tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu tính lãi mà chỉ yêu cầu trả gốc nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về lãi phát sinh trước ngày 19/3/2023 nguyên đơn trình bày bị đơn có trả lãi cho nguyên đơn theo lãi suất 2.000 đồng/ngày/triệu tuy nhiên trả lãi không đủ do cho vay nhiều lần, nhiều mốc thời gian khác nhau, bị đơn trả nhưng không nhớ cụ thể bao nhiêu, nguyên đơn đồng ý nếu sau này bị đơn có ý kiến tranh chấp về tiền lãi thì chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Xét thấy việc nguyên đơn thừa nhận bị đơn trả lãi cho nguyên đơn là vượt quá quy định tại Điều 468 BLDS, tuy nhiên nguyên đơn không nhớ cụ thể bao nhiêu, bị đơn không có mặt nên xét thấy sau này có tranh chấp về tiền lãi thì các bên có quyền yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

Về án phí: Đây là vụ án dân sự có giá ngạch, do yêu cầu của nguyên đơn bà S được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Buộc bị đơn bà K phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 6.000.000 đồng (120.000.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 275, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Anh S đối với bà Phạm Thị K về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Buộc bà Phạm Thị K phải trả cho bà Lê Thị Anh S số tiền 120.000.000 đồng.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

2. Về án phí: Buộc bà Phạm Thị K phải nộp 6.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Lê Thị Anh S số tiền 3.200.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012956 ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

**Nguyễn Thị Bích Thủy**